

Bản tin Phân tích kỹ thuật

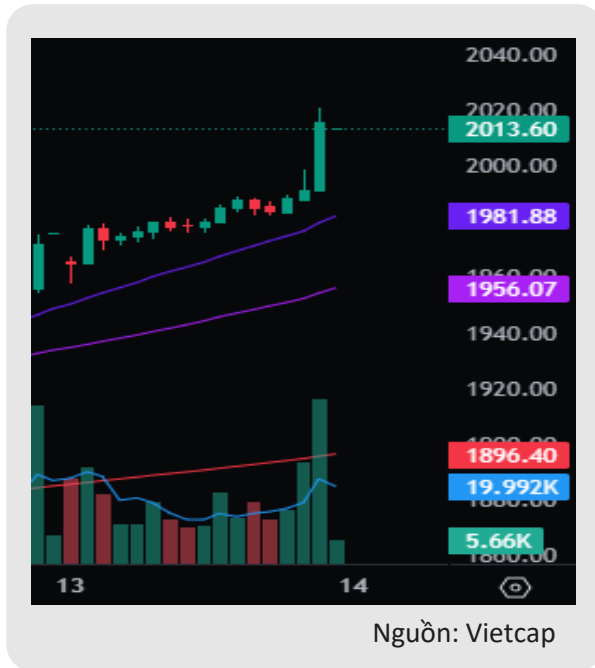
13/10/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- Hợp đồng 41I1FA000 tiếp tục ghi nhận mức cao mới, duy trì tín hiệu tăng giá với đà tăng vượt trội bởi đóng cửa vượt cận trên dải Bollinger bands (2.008 điểm). (M15)
- Vị thế mua được ưu tiên với mục tiêu tại mức giá cao phiên 13/10 (vùng 2.022 điểm), dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 2.008 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Mua (L): 2.012 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.022 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.008 điểm

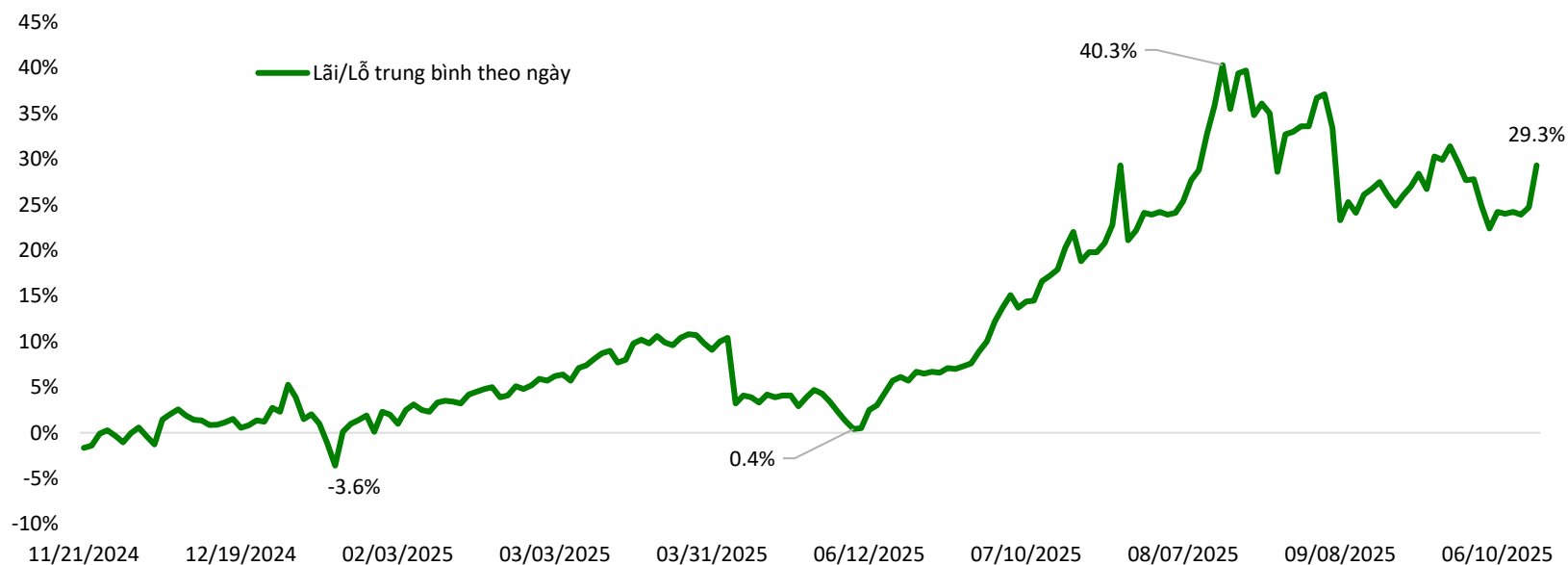
Quan điểm kỹ thuật



- Giảm điểm từ đầu ngày nhưng nhanh chóng tìm được lực cầu quanh vùng 1.735 điểm, đà tăng chiếm ưu thế trở lại giúp VN-Index đóng cửa tại mức cao mới trên khối lượng giao dịch gia tăng. Chỉ số VN30 vận động tương đồng về giá lẫn thanh khoản. Trong ngắn hạn, VN-Index và chỉ số VN30 giữ tín hiệu Tích cực, các rổ chỉ số còn lại chưa cải thiện tín hiệu so với phiên 10/10.
- Cổ phiếu Bất động sản và Bán lẻ có tín hiệu kỹ thuật ngắn và trung hạn nâng lên mức Tích cực ở nhiều mã nhưng chưa đạt mức tương đồng với giai đoạn trước điều chỉnh (05/09). Phần lớn cổ phiếu Ngân hàng diễn biến đi ngang, không cải thiện tín hiệu so với phiên 10/10. Về hoạt động giao dịch, lực cầu tăng mạnh ở nhóm Bất động sản, áp lực cung có phần tăng trên nhóm Dầu khí, DV Tiện ích, Thép và Phân bón.
- Chỉ số VN-Index đang tiếp cận biên độ tăng ngắn hạn 1.765-1.770 điểm. Hỗ trợ trong ngày là vùng 1.735 điểm. Để tiếp cận biên độ tăng 1.770-1.820 điểm với đà tăng ổn định, chỉ số VN-Index cần có phiên điều chỉnh mang yếu tố củng cố xu hướng. Các vị thế mua mới ngắn hạn nên được hạn chế quanh vùng giá cao khi chỉ số bước vào biên độ trên 1.770 điểm mà chưa xuất hiện hoạt động điều chỉnh.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
HPG	25/09/2025		Đang mở	29,000	29,050	-0.2%	27,600			
NLG	13/10/2025		Đang mở	40,800	39,500	3.3%	36,500			
HDG	13/10/2025		Đang mở	34,350	32,000	7.3%	30,900		32,000	



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	205,400	6.98%	14.30%	791,409	11.623	3,487	5.5	58.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	41,300	4.96%	4.82%	292,662	3.052	3,017	1.9	13.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	63,100	-1.71%	-1.41%	527,243	-1.901	4,148	2.5	15.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	43,000	6.57%	22.86%	97,710	1.350	1,937	2.2	22.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	142,600	6.98%	6.18%	84,364	1.239	3,427	3.6	41.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	124,200	0.98%	20.93%	510,141	1.047	6,984	2.4	17.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	29,000	-2.03%	-0.68%	222,589	-0.949	1,750	1.8	16.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	56,000	1.45%	6.87%	300,720	0.917	5,608	1.9	10.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FPT	94,000	-2.19%	-1.57%	160,130	-0.736	5,092	4.8	18.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	64,000	2.56%	2.56%	133,757	0.722	4,101	4.2	15.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	31,700	-1.25%	0.48%	251,505	-0.659	2,193	1.7	14.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	32,650	2.51%	3.65%	114,114	0.603	4,094	1.8	8.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	52,500	1.74%	1.35%	156,832	0.576	3,324	3.9	15.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BID	40,900	-0.73%	0.37%	287,174	-0.440	3,683	1.8	11.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
GVR	28,500	1.60%	3.45%	114,000	0.385	1,331	2.0	21.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	164,500	9.96%	13.06%	32,900	1.407	7,830	8.2	21.0	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	29,000	9.85%	14.17%	16,455	0.696	354	2.7	81.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PVS	31,900	-2.74%	-1.24%	15,247	-0.180	2,644	1.1	12.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PVI	68,100	-2.01%	-1.30%	15,952	-0.138	4,086	1.9	16.7	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHS	26,800	1.13%	0.37%	24,106	0.117	1,148	2.2	23.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIF	16,200	4.52%	5.88%	5,670	0.110	746	1.2	21.7	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	14,600	-1.35%	-3.95%	17,150	-0.099	-5,056	2.6	-2.9	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
IDC	38,700	1.57%	0.26%	14,687	0.099	3,977	2.6	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	17,100	-1.16%	-0.58%	18,268	-0.091	175	2.1	97.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HGM	311,000	3.70%	1.97%	3,919	0.062	33,893	8.0	9.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MCH	151,800	5.34%	17.04%	157,543	1.294	9,004	9.3	16.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	29,700	12.93%	25.32%	31,930	0.634	-707	2.7	-41.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	54,600	-1.44%	-2.33%	195,394	-0.434	2,751	3.1	19.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	67,900	-1.16%	-1.88%	206,340	-0.369	1,913	5.5	35.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSH	81,000	-6.79%	-9.40%	30,188	-0.315	633	5.3	127.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VEF	191,000	4.89%	4.71%	31,476	0.236	96,113	2.6	2.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	51,400	-1.15%	-0.77%	61,910	-0.110	1,312	4.7	39.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VEA	39,600	-1.25%	-0.50%	52,686	-0.101	5,656	1.8	7.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MLL	39,500	3.40%	7.05%	13,334	0.070	1,397	2.8	28.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SBH	43,500	6.88%	0.23%	5,421	0.057	2,926	3.1	14.9	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

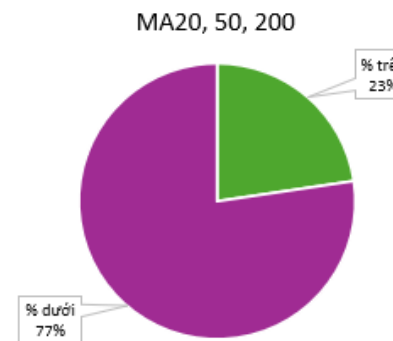
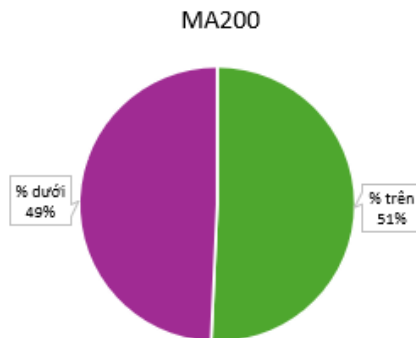
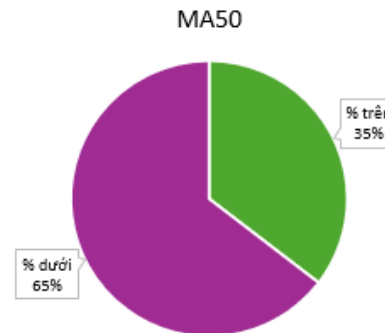
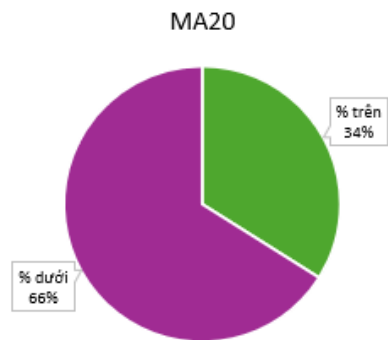
VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
VIC	205,400	7.0%	1454.7	497.5	39,900	192,000	5.5	58.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
VHM	124,200	1.0%	1524.1	573.2	37,750	123,000	2.4	17.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
CTG	56,000	1.4%	608.7	500.0	33,100	55,200	1.9	10.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
TCB	41,300	5.0%	1752.4	737.3	21,822	40,478	1.9	13.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
MWG	83,000	1.2%	652.3	647.1	45,593	82,000	4.1	25.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
STB	61,000	1.0%	467.0	508.9	31,950	60,400	1.9	9.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
VRE	43,000	6.6%	1162.0	297.6	16,100	40,350	2.2	22.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
GEE	144,900	0.8%	121.2	83.3	22,606	143,800	7.8	26.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
MSR	29,700	12.9%	136.1	53.3	10,400	26,300	2.7	-41.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
TCH	25,850	4.7%	486.4	230.5	11,629	24,700	2.4	23.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
SBT	26,900	0.6%	21.7	25.4	10,727	26,750	2.1	26.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
CII	28,650	6.9%	1305.8	750.4	9,015	26,850	2.2	362.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
CEO	29,000	9.8%	1476.7	498.2	9,810	27,600	2.7	81.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HDG	34,350	5.4%	291.3	167.6	17,909	34,000	2.0	63.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
ANV	33,350	1.7%	98.0	107.9	12,400	32,800	2.7	17.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
HDC	39,400	6.9%	625.6	172.6	20,950	38,800	3.0	81.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
NAF	33,450	1.1%	19.2	21.6	16,273	33,100	2.2	19.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
MZG	17,600	5.4%	30.2	21.9	5,797	17,198	1.5	19.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
VPV	7,550	-4.3%	5.7	3.2	7,670	13,900	0.4	4.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	164,500	10.0%	18.2	3.1	44,199	296,805	8.2	21.0	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
QNS	46,700	-1.7%	22.1	5.0	41,377	48,414	1.7	8.3	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDC	39,400	6.9%	625.6	172.6	20,950	38,800	3.0	81.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
RYG	11,850	6.8%	8.2	5.4	10,450	17,000	0.7	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CRC	10,100	5.1%	13.2	8.9	5,790	12,650	0.9	15.4	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PVC	11,200	-3.4%	24.7	13.1	7,400	13,300	1.0	153.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MML	39,500	3.4%	14.2	5.5	22,800	45,500	2.8	28.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			13/10/2025	10/10/2025	09/10/2025	08/10/2025	07/10/2025	06/10/2025	03/10/2025	02/10/2025	01/10/2025	30/09/2025	29/09/2025	26/09/2025	25/09/2025	24/09/2025	23/09/2025	22/09/2025
VNINDEX	MA200	Trên	62%	62%	63%	62%	61%	63%	61%	61%	64%	63%	65%	66%	67%	67%	65%	66%
		Dưới	38%	38%	37%	38%	39%	37%	39%	39%	36%	37%	35%	34%	33%	33%	35%	34%
	MA50	Trên	35%	39%	38%	38%	37%	39%	31%	34%	41%	40%	46%	50%	51%	50%	47%	48%
		Dưới	65%	61%	62%	62%	63%	61%	69%	66%	59%	60%	54%	50%	49%	50%	53%	52%
	MA20	Trên	34%	36%	34%	32%	29%	37%	22%	24%	28%	27%	33%	38%	43%	38%	35%	35%
		Dưới	66%	64%	66%	68%	71%	63%	78%	76%	72%	73%	67%	62%	57%	62%	65%	65%
VN30	MA200	Trên	77%	77%	77%	77%	77%	77%	73%	77%	77%	77%	77%	80%	80%	77%	77%	80%
		Dưới	23%	23%	23%	23%	23%	23%	27%	23%	23%	23%	23%	20%	20%	23%	23%	20%
	MA50	Trên	60%	67%	63%	63%	63%	67%	33%	50%	60%	50%	57%	60%	63%	67%	60%	57%
		Dưới	40%	33%	37%	37%	37%	33%	67%	50%	40%	50%	43%	40%	37%	33%	40%	43%
	MA20	Trên	77%	70%	70%	57%	50%	70%	20%	27%	27%	27%	17%	13%	17%	20%	20%	10%
		Dưới	23%	30%	30%	43%	50%	30%	80%	73%	73%	73%	83%	87%	83%	80%	80%	90%
HNX	MA200	Trên	54%	56%	55%	55%	55%	56%	54%	55%	56%	57%	57%	57%	59%	59%	59%	59%
		Dưới	46%	44%	45%	45%	45%	44%	46%	45%	44%	43%	43%	43%	41%	41%	41%	41%
	MA50	Trên	36%	36%	38%	38%	37%	41%	35%	37%	37%	40%	40%	42%	47%	43%	42%	44%
		Dưới	64%	64%	62%	62%	63%	59%	65%	63%	63%	60%	60%	58%	53%	57%	58%	56%
	MA20	Trên	54%	56%	55%	55%	55%	56%	54%	55%	56%	57%	57%	57%	59%	59%	59%	59%
		Dưới	46%	44%	45%	45%	45%	44%	46%	45%	44%	43%	43%	43%	41%	41%	41%	41%
UPCOM	MA200	Trên	34%	34%	34%	35%	33%	35%	31%	33%	34%	34%	35%	36%	34%	32%	31%	32%
		Dưới	66%	66%	66%	65%	67%	65%	69%	67%	66%	66%	65%	64%	66%	68%	69%	68%
	MA50	Trên	36%	36%	36%	36%	35%	36%	34%	36%	36%	36%	34%	34%	33%	34%	32%	34%
		Dưới	64%	64%	64%	64%	65%	64%	66%	64%	64%	64%	66%	66%	67%	66%	68%	66%
	MA20	Trên	44%	45%	45%	45%	45%	45%	44%	45%	45%	46%	45%	46%	46%	46%	45%	46%
		Dưới	56%	55%	55%	55%	55%	55%	56%	55%	55%	54%	55%	54%	54%	54%	55%	54%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17	Tháng 10										Tháng 9									
	13 ↓	10	09	08	07	06	03	02	01	30	29	26	25	24	23	22	19	18	17	16
1 Ngân hàng	77	77	74	71	73	65	59	59	58	58	57	63	64	61	54	54	67	70	72	74
2 Bất động sản	72	67	62	61	61	55	54	59	64	68	69	72	70	67	65	63	63	64	67	72
3 Y tế	67	72	62	62	58	56	56	58	63	63	66	67	70	67	62	60	60	61	62	64
4 Dịch vụ tài chính	62	61	62	63	63	51	44	49	50	48	48	60	61	57	51	54	60	62	64	65
5 Bán lẻ	62	63	59	55	53	42	37	39	42	40	43	51	55	51	47	54	50	55	59	58
6 Xây dựng và Vật liệu	62	63	62	63	62	56	56	59	62	66	70	75	74	67	61	60	55	55	56	65
7 Thực phẩm và đồ uống	61	61	62	60	61	57	53	56	55	52	52	59	60	59	56	58	60	62	65	67
8 Du lịch và Giải trí	59	54	54	55	45	40	38	47	47	45	43	44	44	44	46	46	51	45	48	47
9 Tài nguyên Cơ bản	56	59	58	59	61	58	57	55	58	64	68	71	73	72	69	69	69	70	72	73
10 Hàng & Dịch vụ Cón...	43	46	47	47	50	45	41	42	43	45	43	52	51	48	47	48	49	49	50	53
11 Bảo hiểm	42	47	50	51	56	51	52	54	59	54	52	50	44	43	44	47	50	53	56	58
12 Điện, nước & xăng d...	41	43	44	44	45	45	45	48	50	50	52	55	56	54	57	56	57	55	56	57
13 Hóa chất	39	40	37	35	36	34	34	38	38	40	43	48	49	44	43	42	43	46	48	52
14 Dầu khí	37	46	41	34	36	31	33	35	35	44	48	51	49	46	43	42	46	53	56	52
15 Ô tô và phụ tùng	37	40	41	40	40	38	38	40	39	40	42	48	49	47	45	46	50	51	52	57
16 Hàng cá nhân & Gia ...	32	33	31	31	33	26	25	26	28	32	35	40	41	45	47	57	55	56	60	64
17 Công nghệ Thông tin	24	29	30	29	31	29	29	28	30	35	36	46	52	50	51	54	58	61	58	50

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	205,400	7.0%	14.3%	791,409	5.5	58.9	3,487	1,454.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	124,200	1.0%	20.9%	510,141	2.4	17.8	6,984	1,524.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	56,000	1.4%	6.9%	300,720	1.9	10.0	5,608	608.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	41,300	5.0%	4.8%	292,662	1.9	13.7	3,017	1,752.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	31,700	-1.2%	0.5%	251,505	1.7	14.5	2,193	1,128.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBB	27,350	-0.4%	0.0%	220,304	1.8	9.0	3,046	1,263.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	89,200	0.2%	10.1%	159,962	5.1	60.9	1,464	98.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MCH	151,800	5.3%	17.0%	157,543	9.3	16.6	9,004	106.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	52,500	1.7%	1.4%	156,832	3.9	15.8	3,324	206.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	64,000	2.6%	2.6%	133,757	4.2	15.6	4,101	397.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	85,000	1.1%	2.4%	122,903	3.8	45.7	1,861	1,073.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	83,000	1.2%	7.0%	122,712	4.1	25.1	3,304	652.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	61,000	1.0%	2.0%	114,998	1.9	9.9	6,148	467.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	32,650	2.5%	3.7%	114,114	1.8	8.0	4,094	873.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	43,000	6.6%	22.9%	97,710	2.2	22.2	1,937	1,162.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	28,850	-1.2%	5.9%	89,449	1.6	-1,793.5	-16	400.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
SSI	41,350	1.6%	2.7%	85,839	3.0	26.4	1,567	1,727.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	142,600	7.0%	6.2%	84,364	3.6	41.6	3,427	511.8	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SHB	18,100	0.6%	4.0%	83,146	1.3	7.6	2,388	2,135.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	144,900	0.8%	21.8%	53,033	7.8	26.9	5,389	121.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	54,600	-1.4%	-2.3%	195,394	3.1	19.8	2,751	33.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPG	7,550	-4.3%	-10.1%	668	0.4	4.9	1,557	5.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	66,100	0.0%	-1.2%	68,414	3.2	18.9	3,507	14.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PVS	31,900	-2.7%	-1.2%	15,247	1.1	12.1	2,644	161.3	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
OIL	11,000	-1.8%	-1.8%	11,314	1.1	37.8	289	12.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	17,900	-0.3%	-1.6%	8,412	1.0	7.8	2,306	50.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KOS	38,650	-0.4%	-1.0%	8,367	3.6	546.4	71	14.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VCS	47,900	-1.4%	-1.4%	7,664	1.5	10.6	4,536	6.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	57,600	0.2%	-5.6%	5,465	4.0	8.2	7,004	12.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	29,150	0.0%	-1.5%	3,266	1.4	10.8	2,693	42.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DRC	16,000	-0.9%	-1.8%	2,471	1.3	16.9	949	7.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHI	14,300	-1.0%	-0.3%	2,430	1.3	23.9	597	5.4	Tiêu cực	-7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VFS	17,300	-2.3%	-7.0%	2,421	1.5	18.0	963	40.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TNG	19,200	0.0%	-2.0%	2,354	1.3	6.8	2,841	15.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ELC	21,900	-2.7%	-4.2%	2,296	1.9	19.3	1,137	16.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	33,750	-1.9%	-2.5%	2,279	1.8	31.7	1,065	9.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GIL	16,500	-1.8%	-3.2%	1,676	0.7	-33.1	-498	6.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DC4	11,600	0.0%	-3.3%	1,105	1.0	6.1	1,910	6.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
AAH	4,000	0.0%	-2.4%	460	0.4	20.3	192	6.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	67,900	-1.2%	-1.9%	206,340	5.5	35.4	1,913	13.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
IDC	38,700	1.57%	0.26%	56,100	45.0%	3,977	2.6	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	32,550	0.31%	-1.36%	47,100	44.7%	716	2.1	45.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHC	56,500	0.00%	1.62%	81,700	44.6%	6,444	1.4	8.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	40,800	1.12%	3.29%	58,600	43.6%	1,709	1.6	23.9	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	19,150	-0.76%	-4.04%	26,200	36.8%	1,579	1.0	12.1	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
ACV	54,600	-1.44%	-2.33%	74,300	36.1%	2,751	3.1	19.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	55,300	-0.36%	-0.90%	73,900	33.6%	5,215	2.8	10.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DGC	95,900	1.70%	3.34%	126,000	31.4%	8,175	2.5	11.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DCM	35,650	-2.33%	-1.93%	46,600	30.7%	3,186	1.9	11.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	31,900	-2.74%	-1.24%	41,600	30.4%	2,644	1.1	12.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
TV2	33,750	-1.89%	-2.46%	43,900	30.1%	1,065	1.8	31.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	94,000	-2.19%	-1.57%	121,200	28.9%	5,092	4.8	18.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	24,300	-1.02%	-3.95%	31,100	28.0%	1,189	1.5	20.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
ACG	36,000	0.00%	1.41%	45,800	27.2%	2,940	1.3	12.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
SAB	45,950	0.22%	-0.43%	58,000	26.2%	3,185	2.8	14.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
GAS	60,600	-0.49%	-0.33%	76,100	25.6%	5,002	2.2	12.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
NVL	16,000	2.56%	1.27%	20,000	25.0%	85	0.8	188.6	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	84,900	-0.12%	0.83%	105,900	24.7%	6,115	2.4	13.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
SZC	34,000	0.89%	0.89%	42,400	24.7%	1,978	2.0	17.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	63,100	-1.71%	-1.41%	77,600	23.0%	4,148	2.5	15.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn